

Số: 11 /2016/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 09 tháng 5 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức chi, các khoản đóng góp, miễn, giảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**



### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh và Nghị định 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành quy định mức chi, các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

1. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh (Phụ lục số 01).

2. Các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh (Phụ lục số 02).

3. Các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm, chế độ hỗ trợ người nghiện cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng (Phụ lục số 03).

4. Các nội dung khác liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí trong công tác cai nghiện ma túy chưa quy định tại quyết định này thực hiện theo quy định Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2773/2012/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định chế độ đóng góp, miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH;
- TTr Tỉnh ủy;
- TTr HĐND;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Công TT Điện tử;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- CVP, Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

**Phụ lục số 01**

**CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO HỌC MIỄN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC - LAO ĐỘNG XÃ HỘI TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016

của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
1	<b>Chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc</b>			
a	Tiền ăn			
	- Ngày thường	đồng/học viên/ngày	25.000	
	- Ngày lễ, Tết dương lịch	3 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường	75.000	
	- Các ngày Tết nguyên đán	5 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường	125.000	
b	Hoạt động văn nghệ, thể thao	đồng/học viên/năm	80.000	
c	Tiền điện, nước sinh hoạt	đồng/học viên/tháng	80.000	
d	Trang bị quần áo, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.	đồng/ người/năm	Mức chi phí theo thực tế	Quy định tại khoản 2 điều 24 NĐ 221/2013/NĐ-CP
2	<b>Trợ cấp tiền tàu xe và tiền ăn đường cho học viên thuộc đối tượng là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú</b>			
a	Tiền ăn	đồng/người/ngày	40.000	Tối đa không quá 3 ngày
b	Tiền tàu xe		Theo giá phương tiện công cộng phổ thông	
3	<b>Các khoản chi phí cho người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành Quyết định tại trung tâm</b>			
	Các nội dung do tỉnh quy định thực hiện theo định mức chi tại mục 1, 2 trên			

EN

**Phụ lục số 02****CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP VÀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM ĐỐI VỚI NGƯỜI TỰ NGUYỆN CHỮA TRỊ,  
CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC - LAO ĐỘNG XÃ HỘI***(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ - UBND ngày 29 tháng 5 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>			
	Tiền ăn			
a	- Ngày thường	đồng/người/ngày	25.000	
	- Ngày lễ, Tết dương lịch	3 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường	75.000	
	- Các ngày Tết nguyên đán	5 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường	125.000	
b	Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa trị bệnh thông thường.	đồng/lần chấp hành Quyết định	700.000	
c	Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác	đồng/lần chấp hành Quyết định	100.000	
d	Hoạt động văn nghệ, thể thao	đồng/học viên/năm	80.000	
đ	Học văn hóa, học nghề (nếu bản thân người nghiện yêu cầu)			Do cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định
e	Tiền điện, nước, vệ sinh	đồng/học viên/tháng	80.000	
g	Tiền đóng góp cơ sở vật chất	đồng/lần chấp hành Quyết định	170.000	
h	Phục vụ quản lý	đồng/học viên/tháng	130.000	
i	Trang bị quần áo, vật dụng sinh hoạt.	đồng/lần chấp hành Quyết định	1.200.000	
<b>2</b>	<b>Chế độ miễn, giảm</b>			
a	Miễn chi phí chữa trị, cai nghiện đối với người nghiện thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc diện bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ Ngân sách nhà nước		Miễn 100% các khoản đóng góp tại mục 1	
b	Giảm một phần chi phí chữa trị, cai nghiện đối với người nghiện thuộc hộ nông lâm nghiệp có mức sống trung bình		Giảm 50% các khoản đóng góp tại mục 1	

DN




**Phụ lục số 03**

**CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM, CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ NGƯỜI  
CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2016/QĐ - UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>			
a	Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con	đồng/người/lần	100.000	
b	Tiền thuốc hỗ trợ cắt con nghiện	đồng/lần chấp hành Quyết định	400.000	
c	Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt con	đồng/ngày	40.000	Tối đa không quá 15 ngày
d	Chi phí cho các hoạt động Giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách	đồng/giờ	15.000	
đ	Chi phí dạy nghề, tạo việc làm		Do cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định	
<b>2</b>	<b>Chế độ miễn, giảm</b>			
a	Miễn đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước		Miễn 100% các khoản đóng góp tại mục 1	
b	Giảm mức chi phí đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình		Giảm 50% các khoản đóng góp tại mục 1	
<b>3</b>	<b>Chế độ hỗ trợ</b>			
a	Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt con nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật	đồng/lần chấp hành Quyết định	400.000	

*Handwritten signature or mark.*

b	Hỗ trợ người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật			
	+ Tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy	đồng/lần chấp hành Quyết định	400.000	
	+ Tiền ăn trong thời gian tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn	đồng/ngày	40.000	Tối đa không quá 15 ngày

*Handwritten signature*